

BÁO CÁO CÔNG BỐ THÔNG TIN TỶ LỆ AN TOÀN VỐN
30 THÁNG 06 NĂM 2025**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên giao dịch: Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB)
- Vốn điều lệ: 5.399,6 tỷ đồng
- Địa chỉ: Tầng 4 và 5, tòa nhà Samsora Premier, số 105 Chu Văn An, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: (84-024) - 39 333 636.
- Số Fax: (84-024) - 39 336 428.
- Website: www.vietabank.com.vn

II. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ TỶ LỆ AN TOÀN VỐN**1. Phạm vi tính tỷ lệ an toàn vốn.**

Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), ngân hàng có công ty con phải duy trì tuân thủ yêu cầu về việc tính toán tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ và hợp nhất. Tại thời điểm 30/06/2025, VAB có 01 công ty con là Công ty Quản lý nợ & Khai thác tài sản (AMC) và không có công ty con thuộc loại hình doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm.

2. Cơ cấu vốn tự có.

Thành phần chính vốn tự có của VAB bao gồm:

Vốn cấp 1:

- Vốn điều lệ;
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Quỹ dự phòng tài chính;
- Lợi nhuận chưa phân phối....

Vốn cấp 2:

- Các quỹ được trích từ lợi nhuận sau thuế;
- 80% dự phòng chung theo quy định NHNN;
- Các khoản nợ thứ cấp...

Bảng 1- Báo cáo vốn tự có*Đơn vị tính: Triệu VND*

Khoản mục	30/06/2025	
	Riêng lẻ	Hợp nhất
Vốn Cấp 1	9.348.137	9.420.629
Vốn Cấp 2	1.521.685	1.521.685
Các khoản mục giảm trừ khi tính Vốn tự có	57.272	54.600
VỐN TỰ CÓ	10.812.549	10.887.714

3. Tỷ lệ an toàn vốn.

a. Quy trình tính tỷ lệ an toàn vốn.

VAB đã xây dựng Quy trình tính toán tỷ lệ an toàn vốn tuân thủ theo quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN. Bên cạnh đó, VAB đã ban hành quy định về quản lý tỷ lệ an toàn vốn, trong đó quy định chi tiết trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên quan trong việc nhập, tính toán, rà soát và báo cáo về tỷ lệ an toàn vốn, cũng như xây dựng phương án đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn.

b. Kế hoạch vốn.

Nhằm đảm bảo hệ số CAR tuân thủ theo quy định của NHNN, VAB chủ động quản lý tỷ lệ an toàn vốn và triển khai các biện pháp kiểm soát quy mô tài sản có rủi ro, xây dựng các giải pháp tăng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh và chiến lược phát triển từng giai đoạn

Bảng 2 - Báo cáo tỷ lệ an toàn vốn

Đơn vị tính: triệu VNĐ, %

Khoản mục	30/06/2025	
	Riêng lẻ	Hợp nhất
1. Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	114.438.054	114.227.061
1.1. Rủi ro tín dụng	114.420.965	114.209.971
1.2 Rủi ro tín dụng đối tác	17.090	17.090
2. Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	366.841	380.013
3. Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	41.692	41.692
4. Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1	7,82%	7,88%
5. Tỷ lệ an toàn vốn	9,04%	9,11%

4. Rủi ro tín dụng.

Rủi ro tín dụng (RRTD) là một trong những rủi ro trọng yếu của ngân hàng, chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng tài sản có rủi ro của VAB. Nhằm quản lý và giảm thiểu RRTD, VAB luôn chú trọng công tác rà soát để kịp thời sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới khung chính sách quản lý RRTD, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, kiểm soát, ngăn ngừa hạn chế rủi ro trong từng nghiệp vụ của hoạt động cấp tín dụng và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của NHNN.

Chính sách quản lý rủi ro tín dụng

Trong 6 tháng đầu năm 2025, VAB tiếp tục rà soát các văn bản liên quan đến hoạt động tín dụng, điều chỉnh, cập nhật nhằm đảm bảo quy định nội bộ tuân thủ và phù hợp với các quy định pháp luật (Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn). Các quy định đã được ban hành như sau: Quy chế Bảo đảm cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Việt Á; Quy chế Bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Việt Á; Quy định Kiểm soát sau cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Việt Á; Quy trình Nghiệp vụ bảo lãnh tại Ngân

hàng TMCP Việt Á; Quy định v/v quản lý hồ sơ tài sản bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Việt Á; Sửa đổi, bổ sung quy trình cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Việt Á; Sửa đổi, bổ sung quy định về định giá tài sản bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Việt Á.

VAB luôn chú trọng công tác truyền thông các quy định mới đến các Đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống, đảm bảo các cá nhân, Đơn vị cập nhật kịp thời các quy định mới và vận dụng vào quy trình tác nghiệp. Đồng thời, nhằm hạn chế các rủi ro phát sinh liên quan hoạt động cấp tín dụng, VAB đã xây dựng tài liệu và tổ chức triển khai các khóa đào tạo về kiểm soát RRTD cho toàn thể cán bộ tín dụng trên toàn hệ thống.

Thực hiện quản lý rủi ro tín dụng

Trong 6 tháng đầu năm 2025, VAB tiếp tục thực hiện chiến lược quản lý RRTD theo hướng thận trọng, tuân thủ theo giới hạn các chỉ tiêu khâu vị RRTD của VAB và quy định của NHNN cũng như quy định của pháp luật. Triển khai thực hiện tốt công tác quản lý nợ, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro, nhận diện, theo dõi, đánh giá và kịp thời báo cáo, đề xuất các biện pháp xử lý nhằm hạn chế rủi ro đối với các loại giao dịch, sản phẩm, dịch vụ tín dụng.

VAB thực hiện quản lý RRTD gồm các bước như sau:

- Nhận dạng: nhận dạng đầy đủ RRTD, nguy cơ gây ra rủi ro và xác định nguyên nhân gây ra rủi ro.
- Đo lường: đo lường kịp thời và chính xác mức độ rủi ro bằng các phương pháp, mô hình (bao gồm cả hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ) trên cơ sở xác định tác động ngắn hạn, dài hạn của rủi ro đối với thu nhập, tỷ lệ an toàn và khả năng đạt được mục tiêu kinh doanh của VAB.
- Theo dõi: thường xuyên theo dõi trạng thái rủi ro và đánh giá kịp thời, cảnh báo sớm khả năng vi phạm các hạn mức rủi ro, hạn chế để đảm bảo an toàn hoạt động tín dụng.
- Kiểm soát: kiểm soát trạng thái RRTD thực tế để tuân thủ giới hạn cấp tín dụng, hạn mức RRTD theo quy định của pháp luật, của NHNN và của VAB. Có các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và xử lý kịp thời các rủi ro để đảm bảo tuân thủ các hạn mức rủi ro, các hạn chế nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động tín dụng và có cơ chế giám sát, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp này.
- Báo cáo: thực hiện báo cáo thông tin kịp thời, đầy đủ về trạng thái RRTD, về hiệu quả các biện pháp kiểm soát RRTD cho cấp có thẩm quyền và các bên có liên quan theo quy định của VAB để có quyết định phù hợp, hạn chế RRTD và nâng cao hiệu quả công tác quản lý RRTD tại VAB.

Bảng 3 - Báo cáo tài sản tính theo rủi ro RWA theo kết quả Xếp hạng tín nhiệm

Đơn vị tính: Triệu VND

Kỳ hạn gốc	Kết quả xếp hạng	Trọng số rủi ro	30/06/2025	
			Vốn yêu cầu riêng lẻ	Vốn yêu cầu hợp nhất
TCTD trong nước:	AAA đến AA-	20%	0	0

Kỳ hạn gốc	Kết quả xếp hạng	Trọng số rủi ro	30/06/2025	
			Vốn yêu cầu riêng lẻ	Vốn yêu cầu hợp nhất
Các khoản phải đòi có kỳ hạn ban đầu từ 03 tháng trở lên	A+ đến BBB-	50%	0	0
	BB+ đến BB-	80%	142.666	142.666
	B+ đến B-	100%	1.125.785	1.125.785
	Dưới B- và không có xếp hạng	150%	97.681	97.681
TCTD trong nước: Các khoản phải đòi có kỳ hạn ban đầu dưới 03 tháng	AAA đến AA-	10%	0	0
	A+ đến BBB-	20%	2	2
	BB+ đến BB-	40%	78.056	78.056
	B+ đến B-	50%	231.498	229.498
	Dưới B- và không có xếp hạng	70%	336.207	336.207
Chính phủ, NHTW các nước	AAA đến AA-	0%	0	0
	A+ đến BBB-	20%	0	0
	BB+ đến BB-	50%	0	0
	B+ đến B-	100%	0	0
	Dưới B- và không có xếp hạng	150%	0	0
Tổ chức tài chính nước ngoài (bao gồm cả tổ chức tín dụng nước ngoài)	AAA đến AA-	20%	64	64
	A+ đến BBB-	50%	126	126
	BB+ đến BB-	100%	0	0
	Dưới B- và không có xếp hạng	150%	2.020	2.020

Bảng 4 - Tổng tài sản có tính theo rủi ro tín dụng

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Tài sản là khoản phải đòi	30/06/2025	
	Vốn yêu cầu riêng lẻ	Vốn yêu cầu hợp nhất
Tiền mặt, vàng và các khoản tương đương tiền mặt	0	0
Khoản phải đòi chính phủ	0	0
Chính phủ Việt Nam	0	0
VAMC/DATC	0	0
Chính phủ Nước Ngoài	0	0
Khoản phải đòi định chế tài chính	17.576.294	17.576.294
Tổ chức tài chính quốc tế	0	0
Tổ chức tài chính nước ngoài	27.625	27.625
Tổ chức tài chính trong nước	17.548.669	17.548.669
Khoản phải đòi doanh nghiệp	63.709.944	63.709.944
Doanh nghiệp thông thường	52.230.186	52.230.186

Tài sản là khoản phải đòi	30/06/2025	
	Vốn yêu cầu riêng lẻ	Vốn yêu cầu hợp nhất
Doanh nghiệp vừa và nhỏ	11.479.758	11.479.758
Khoản phải đòi bán lẻ	457.767	457.767
Khoản phải đòi thế chấp BĐS	26.398.742	26.398.742
BDS kinh doanh	26.133.582	26.133.582
BDS không kinh doanh	206.509	206.509
Thế chấp nhà	58.651	58.651
Các khoản phải đòi khác theo TT41	2.612.635	1.866.643
Kinh doanh chứng khoán	1.198.697	452.705
Cho vay chuyên biệt	1.413.937	1.413.937
Kinh doanh BĐS	0	0
Mua bán khoản phải thu	0	0
Mua bán nợ xấu	0	0
Cho thuê tài chính	0	0
Nợ xấu	1.109.504	1.109.504
Tài sản khác	2.556.079	3.091.077
Tổng	114.420.965	114.209.971

Bảng 5 – Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng đối tác

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Khoản mục	Thời điểm 30/06/2025	
	Riêng lẻ	Hợp nhất
Giao dịch tự doanh		
Giao dịch repo và giao dịch reverse repo	0	0
Giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro	17.090	17.090
Giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính với mục đích phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác quy định tại mục d khoản 32 Điều 2 Thông tư 41		
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác	17.090	17.090

Bảng 6 – Báo cáo tài sản tính theo rủi ro RWA theo ngành nghề kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	30/06/2025	
		Vốn yêu cầu riêng lẻ	Vốn yêu cầu hợp nhất
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	12.712	12.712
2	Khai khoáng	1.458.963	1.458.963
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	2.409.656	2.410.664
4	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	1.877.081	1.877.081

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	30/06/2025	
		Vốn yêu cầu riêng lẻ	Vốn yêu cầu hợp nhất
5	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải.	-	-
6	Xây dựng	13.044.450	13.044.450
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	8.923.394	8.923.394
8	Vận tải kho bãi	899.072	899.072
9	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	156.876	156.876
10	Thông tin và truyền thông	2.338.844	2.338.844
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	22.671.565	22.674.565
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	22.940.650	22.940.650
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	3.897.541	3.897.541
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	7.067.804	7.067.804
15	Hoạt động của đảng Cộng sản, tổ chức chính trị – xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	-	-
16	Giáo dục và đào tạo	-	-
17	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	-	-
18	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	1.590	1.590
19	Hoạt động dịch vụ khác	26.613.004	26.398.002
20	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	107.762	107.762
21	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	-	-
Tổng cộng		114.420.964	114.209.970

Bảng 7a – Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng trước và sau giảm thiểu (Riêng lẻ)

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Khoản mục	Tài sản có rủi ro trước giảm thiểu	Biện pháp giảm thiểu (30/06/2025)				
		Tài sản đảm bảo	Bù trừ số dư nội bảng	Bảo lãnh của bên thứ ba	Sản phẩm phái sinh tín dụng	Tài sản có rủi ro sau giảm thiểu
Tiền mặt, vàng, các khoản tương đương	0	0	0	0	0	0
Khoản phải đòi chính phủ	0	0	0	0	0	0
Khoản phải đòi định chế tài chính	25.176.294	0	13.200.000	0	0	17.576.294
Khoản phải đòi doanh nghiệp	63.978.635	253.882	25.000	0	0	63.709.944

Khoản phải đòi bán lẻ	799.825	843.349	782.298	0	0	457.767
Khoản phải đòi đảm bảo bằng BĐS	26.400.842	1.400	0	0	0	26.398.742
Khoản cho vay chuyên biệt	2.946.413	343.407	0	0	0	2.612.635
Nợ xấu	1.110.387	588	600	0	0	1.109.504
Tài sản khác	2.751.173	272.701	162.374	0	0	2.556.079
Tổng cộng	123.163.569	1.715.328	14.170.273	0	0	114.420.965

Bảng 7b – Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng trước và sau giảm thiểu (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu VND

Khoản mục/ Items	Tài sản có rủi ro trước giảm thiểu	Biện pháp giảm thiểu (30/06/2025)				
		Tài sản đảm bảo	Bù trừ số dư nội bảng	Bảo lãnh của bên thứ ba	Sản phẩm phái sinh tín dụng	Tài sản có rủi ro sau giảm thiểu
Tiền mặt, vàng, các khoản tương đương	0	0	0	0	0	0
Khoản phải đòi chính phủ	0	0	0	0	0	0
Khoản phải đòi định chế tài chính	25.151.294	0	13.200.000	0	0	17.576.294
Khoản phải đòi doanh nghiệp	63.978.635	253.882	25.000	0	0	63.709.944
Khoản phải đòi bán lẻ	799.825	843.349	782.298	0	0	457.767
Khoản phải đòi đảm bảo bằng BĐS	26.400.842	1.400	0	0	0	26.398.742
Khoản cho vay chuyên biệt	2.200.421	343.407	0	0	0	1.866.643
Nợ xấu	1.110.387	588	600	0	0	1.109.504
Tài sản khác	3.286.171	272.701	162.374	0	0	3.091.077
Tổng cộng	122.927.575	1.715.328	14.170.273	0	0	114.209.971

5. Rủi ro hoạt động.

Rủi ro hoạt động (RRHD) luôn được đánh giá là một trong những rủi ro trọng yếu của ngân hàng. Nhằm quản lý và giảm thiểu RRHD, VAB đã ban hành các quy chế, chính sách về RRHD, trong đó đưa ra chiến lược, xác lập các nguyên tắc về quản lý rủi ro theo các chuẩn mực, thông lệ quốc tế đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế của VAB; cung cấp các công cụ, đưa ra nguyên tắc sử dụng hoạt động thuê ngoài, mua bảo hiểm, ứng dụng công nghệ nhằm ngăn chặn, phòng tránh RRHD, giảm thiểu tổn thất xảy ra.

Chính sách quản lý rủi ro hoạt động

Cơ cấu tổ chức quản lý RRHĐ theo mô hình "Ba tuyến phòng thủ", dựa trên nguyên tắc đảm bảo sự phân tách chức năng kinh doanh với chức năng quản lý rủi ro và chức năng đánh giá độc lập. Trong đó:

- Tuyến phòng thủ thứ nhất là các đơn vị kinh doanh, khối kinh doanh trực tiếp có trách nhiệm chủ động nhận diện, đánh giá, có phương án giảm thiểu và quản lý rủi ro, xử lý và báo cáo rủi ro trong tất cả các hoạt động nghiệp vụ của mình. Trưởng đơn vị là người chịu trách nhiệm đầu tiên và cao nhất trong việc kiểm soát RRHĐ tại đơn vị.

- Tuyến phòng thủ thứ hai là đơn vị quản lý rủi ro, giám sát tuân thủ, chịu trách nhiệm xây dựng Chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản lý rủi ro, các công cụ và hệ thống đo lường quản lý rủi ro, thiết kế triển khai các chương trình đánh giá RRHĐ phối hợp với tuyến phòng thủ thứ nhất trong việc thực hiện nhận dạng, kiểm soát, giảm thiểu rủi ro và thực hiện việc tuân thủ quy định pháp luật.

- Tuyến phòng thủ thứ ba là bộ phận Kiểm toán Nội bộ trực thuộc Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm đánh giá độc lập về hiệu quả triển khai công tác quản lý RRHĐ, đánh giá tính tuân thủ, tính thích hợp, mức độ đầy đủ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Thực hiện quản lý rủi ro hoạt động

Trong 6 tháng đầu năm 2025, VAB đã tích cực triển khai công tác quản lý RRHĐ như:

- Ban hành bổ sung, chỉnh sửa các quy trình/quy định và bộ công cụ liên quan đến công tác quản lý RRHĐ như: Ban hành Hướng dẫn Bộ tiêu chí nhận diện các đơn vị chấp nhận thanh toán có dấu hiệu nghi ngờ gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật và Quyết định sửa đổi, bổ sung Hướng dẫn; Thực hiện điều chỉnh bộ công cụ giám sát thường xuyên phù hợp theo thực tế vận hành, nhằm cụ thể hóa việc áp dụng và triển khai chính sách và chiến lược QLRR hoạt động của VAB; Tạo khuôn khổ cho công tác quản trị RRHĐ theo các chuẩn mực, thông lệ quốc tế, tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế của ngân hàng.

- Thường xuyên/định kỳ thu thập dữ liệu phục vụ công tác phân tích, nhận diện rủi ro để kịp thời có biện pháp khắc phục/hạn chế tổn thất có thể xảy ra, đề xuất các biện pháp nhằm ngăn chặn, tránh lặp lại các sự cố tương tự trên toàn hệ thống.

- Triển khai toàn diện các công cụ quản lý rủi ro hoạt động trên toàn hệ thống nhằm hướng dẫn cách xác định, đo lường, đánh giá và các biện pháp ứng xử, giám sát, kiểm soát nhằm ngăn chặn, phòng tránh rủi ro hoạt động, giảm thiểu tổn thất (nếu có) và tối ưu hóa lợi nhuận cho Ngân hàng, bao gồm: Thu thập và phân tích dữ liệu tổn thất; Sơ đồ hóa quy trình nghiệp vụ; Chỉ số kết quả kinh doanh và chỉ số rủi ro trọng yếu; Tự đánh giá rủi ro hoạt động RCSA; Triển khai công cụ cảnh báo giao dịch bất thường trên kênh ngân hàng số. Việc triển khai các công cụ quản lý rủi ro hoạt động hiệu quả giúp VAB nhận diện và đánh giá đúng những rủi ro ngân hàng phải đối mặt, từ đó áp dụng các biện pháp thích hợp, kịp thời để ngăn chặn và giảm thiểu tác động của rủi ro.

- Thực hiện công tác giám sát thường xuyên Đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống đối với các nghiệp vụ trọng yếu, kịp thời phát hiện các sai phạm, đưa ra các kiến nghị xử lý cán bộ sai phạm có tính răn đe để nâng cao ý thức tuân thủ, hạn chế vi phạm, ngăn ngừa rủi ro cho hệ thống.

- Triển khai các khóa đào tạo về quản lý RRHĐ trên toàn hệ thống.

- Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức và văn hóa quản lý rủi ro, đảm bảo mỗi cán bộ, nhân viên của VAB đều hiểu biết và có nhận thức rõ ràng về RRHĐ và quản lý RRHĐ.

- Hệ thống hóa chế độ thông tin và các báo cáo về quản lý RRHĐ. Tổng hợp, đánh giá, phân tích nguyên nhân, đưa ra các hành động và đề xuất thay đổi quy trình liên quan để giảm thiểu lỗi trên toàn hệ thống phù hợp với khẩu vị rủi ro mà Ủy ban Quản lý rủi ro và Hội đồng rủi ro phê duyệt.

Kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục.

- VAB luôn xem việc duy trì hoạt động kinh doanh liên tục là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong việc quản lý RRHĐ, với mục tiêu đảm bảo khả năng ứng phó, đảm bảo các hoạt động nghiệp vụ của ngân hàng vẫn được duy trì trước các sự cố xảy ra đối với ngân hàng như các sự cố về dịch bệnh, thiên tai...

- VAB đã xây dựng quy định quản lý đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục, quy trình xử lý sự cố công nghệ thông tin khẩn cấp nhằm ứng phó với sự cố/tình huống gây gián đoạn hoạt động của ngân hàng đồng thời truyền thông, nhấn mạnh tới cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống về quy trình báo cáo sự cố nhằm nâng cao nhận thức, tăng cường công tác phối hợp xử lý sự cố giữa các Phòng/Ban trong trường hợp phát sinh sự cố. Ngoài ra, VAB đã xây dựng các kịch bản ứng phó cụ thể đối với các sự cố khủng hoảng nghiêm trọng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Ngân hàng: Thiết lập ma trận thông tin xử lý sự cố, lập kịch bản kế hoạch dự phòng về nhân sự, hệ thống công nghệ thông tin, địa điểm hoạt động để có kế hoạch duy trì hoạt động liên tục một cách hiệu quả.

Bảng 8 – Báo cáo vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Cấu phần	Riêng lẻ				Hợp nhất			
	01/01/2025-31/03/2025	01/01/2024-31/12/2024	01/01/2023-31/12/2023	01/04/2022-31/12/2022	01/01/2025-31/03/2025	01/01/2024-31/12/2024	01/01/2023-31/12/2023	01/04/2022-31/12/2022
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	2.057.070	7.289.559	8.851.558	4.573.482	2.057.070	7.289.559	8.851.558	4.573.400
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	1.445.015	4.966.313	7.042.057	3.336.328	1.444.535	4.961.858	7.042.015	3.335.375
Cấu phần lãi (IC)	612.055	2.323.247	1.809.501	1.237.154	612.535	2.327.701	1.809.544	1.238.025
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	43.621	136.608	70.837	59.058	46.487	163.204	109.798	90.229
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	6.455	34.424	33.141	25.779	6.455	34.574	33.212	25.884
Thu nhập hoạt động khác	9.304	111.753	161.422	73.719	16.729	178.571	208.032	110.428
Chi phí hoạt động khác	4.926	19.775	8.833	5.881	4.926	19.775	8.834	5.982
Cấu phần dịch vụ (SC)	64.306	302.560	274.232	164.437	74.597	396.124	359.876	232.524
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	4.045	-1.467	6.212	5.934	4.045	-1.467	6.212	5.934
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	0	-38	0	81	0	-38	0	81
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	-2.694	40.024	410.371	43.115	-2.694	40.024	410.371	43.115
Cấu phần ngoại hối (FC)	6.739	70.740	417.924	53.928	6.739	70.740	417.924	53.928
Chi bảo hiểm và tái bảo hiểm tài sản của ngân hàng	0	0	0	0	0	0	0	0
Lãi/lỗ thuần do ngừng ghi nhận tài sản tài chính không được đánh giá theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	0	0	0	0	0	0	0	0
Lãi/lỗ thuần do ngừng ghi nhận tài sản phi tài chính, nợ phải trả không được đánh giá theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	0	0	0	0	0	0	0	0

Cấu phần	Riêng lẻ				Hợp nhất			
	01/01/2025- 31/03/2025	01/01/2024- 31/12/2024	01/01/2023- 31/12/2023	01/04/2022- 31/12/2022	01/01/2025- 31/03/2025	01/01/2024- 31/12/2024	01/01/2023- 31/12/2023	01/04/2022- 31/12/2022
Giá trị âm của lợi thế thương mại đã được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	0	0	0	0	0	0	0	0
Khoản mục bị loại trừ	0	0	0	0	0	0	0	0
Chỉ số kinh doanh (BI)	683.100	2.696.547	2.501.657	1.455.520	693.870	2.794.565	2.587.343	1.524.477
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động		366.841				380.013		

6. Rủi ro thị trường.

- Mặc dù, tỷ trọng tài sản có RRTT trong tổng tài sản có rủi ro của Ngân hàng khá nhỏ nhưng VAB luôn chú trọng xây dựng, hoàn thiện các chính sách, công cụ theo dõi, kiểm soát, đo lường rủi ro thị trường phù hợp với các nghiệp vụ kinh doanh, đảm bảo an toàn hoạt động cho Ngân hàng và tuân thủ các quy định của NHNN và các chuẩn mực về quản lý rủi ro.

Chính sách quản lý rủi ro thị trường

- VAB xây dựng chính sách dựa trên các nguyên tắc quản lý RRTT, chức năng – nhiệm vụ giám sát của quản lý cấp cao và của ba tuyến bảo vệ, nguyên tắc về công tác quản lý RRTT nhằm giới hạn tổn thất liên quan ở mức hợp lý theo khả năng chịu đựng rủi ro của VAB.

- VAB đã ban hành hướng dẫn phân định về sổ kinh doanh – sổ ngân hàng cho từng loại tài sản, nguyên tắc quản lý thống nhất, phù hợp với quy định của NHNN. Đồng thời, quy định trạng thái RRTT của sổ kinh doanh phải thực hiện phòng ngừa RRTT đối với các giao dịch tự doanh phù hợp với định hướng hoạt động từng thời kỳ và diễn biến thị trường để phòng ngừa rủi ro khi có những biến động bất lợi về lãi suất, tỷ giá.

- Thực hiện theo dõi việc tuân thủ các hạn mức RRTT hàng ngày để đánh giá và thực hiện điều chỉnh (nếu có) các hạn mức phù hợp với diễn biến thị trường, khả năng chịu rủi ro và định hướng kinh doanh của Ngân hàng từng thời kỳ. Kết quả theo dõi rủi ro được báo cáo đầy đủ, kịp thời và chính xác tới các cấp có thẩm quyền và gửi đến cá nhân, bộ phận có liên quan.

Thực hiện quản lý rủi ro thị trường

- VAB sử dụng hệ thống công cụ quản lý rủi ro thị trường như: Trạng thái rủi ro, lãi/lỗ thực tế và dự kiến, độ nhạy, giá trị chịu rủi ro (Var), kiểm tra sức chịu đựng, vốn yêu cầu cho RRTT. Các phương pháp, công cụ đo lường được xây dựng và triển khai đầy đủ, phù hợp với quy định của NHNN.

- VAB không có vốn yêu cầu cho rủi ro giá cổ phiếu, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro quyền chọn (do danh mục sổ kinh doanh của Ngân hàng không bao gồm các hoạt động kinh doanh có phát sinh các rủi ro này), hiện tại danh mục sổ kinh doanh của VAB có phát sinh rủi ro lãi suất và rủi ro ngoại hối (bao gồm vàng) tại thời điểm 30/6/2025.

Bảng 9 – Báo cáo vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường riêng lẻ/hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu VND

Khoản mục	Vốn cho rủi ro chung	Vốn cho rủi ro cụ thể	Tổng
Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	5.263	36.429	41.692
Rủi ro lãi suất	5.263	0	5.263
Rủi ro giá cổ phiếu	0	0	0
Rủi ro giá hàng hóa	0	0	0
Rủi ro ngoại hối	0	36.429	36.429

Trân trọng báo cáo./.


TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
VIỆT Á
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 Nguyễn Văn Trọng